TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:719/2018/HNGĐ-ST

Ngày:18/10/2018

V/v tranh chấp "Xin ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Anh Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Đức Duy**

2. Ông **Lê Văn Nghĩa**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Võ Trương Tấn Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa*:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **409**/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **189C**/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị Thu M**, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

- *Bị đơn*: **Lê Duyên T,** sinh năm 1986. Ấp Z, xã Y, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu M trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh T xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào ngày 22/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Y. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 3/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hòa hợp tánh tình, vợ chồng thường xuyên cãi và anh T đã gửi chị về gia đình chị, từ đó sống ly thân cho đến nay. Gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được. Nay yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Không có.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Bị đơn anh Lê Duyên T đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không có ý kiến:*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị M thì xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị M và anh T xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào ngày 22/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Y, nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Theo chị M khai nhận: Sau khi cưới nhau thì thời gian đầu sống hạnh phúc, đến khoảng đầu tháng 3 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hòa hợp tánh tình, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được. Hiện chị đã sống ly thân từ tháng 3/2018 đến nay và chị cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng.

Bản thân anh T đã được tống đạt bản sao đơn kiện thể hiện nội dung mâu thuẫn vợ chồng và các chứng cứ kèm theo nhưng không có ý kiến phản đối đối với ý kiến chứng cứ của chị M cung cấp. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì những tình tiết, chứng cứ của chị M đưa ra là có thật. Ngoài ra anh T cũng được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến tòa để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy anh T cũng không mong muốn đoàn tụ. Giữa anh T và chị M cũng

chưa có con chung, ít có sự ràng buộc trách nhiệm nên khó có thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, đã đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được như lời trình bày của chị M. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M, cho chị M được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng, nên Hội đồng không xem xét trong vụ kiện này.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng không xem xét trong vụ kiện này.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị M phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Chị Nguyễn Thị Thu M được ly hôn với anh Lê Duyên T.

3. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000đồng, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008472 ngày 18/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, nên xem như đã nộp xong án phí.

4. Chị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THADS huyện Châu Thành;
-Các đương sự;
-Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn